

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 9, 10 của Luật hôn nhân và gia đình 2000;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 508/2024/TLST- HNGĐ ngày 12/3/2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu:

Bà **Bùi Thị H**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: **E, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre**

Tạm trú: **111 tổ A, khu phố C, phường A, B, Đồng Nai**

Ông **Phạm Hồ Bảo G**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: **Số A, ấp D, phường T, thành phố B, Đồng Nai**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 15/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông **G**, bà **H** không đoàn tụ được với nhau, tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc ly hôn nên Tòa án lập biên bản ghi nhận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được **Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91 ngày 30/12/2005. Cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc, về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hoà do bất đồng quan điểm, lối sống, thường xuyên cãi vã, đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Hiện đời sống chung không hạnh phúc nên ông bà thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Phạm Quỳnh A**, sinh ngày 28/3/2007 và cháu **Phạm Nhựt Tân s** ngày 06/11/2005, khi ly hôn cháu **T** đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao cháu **A** cho ông **G** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời bà **H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Ông **G**, bà **H** tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà **Bùi Thị H** và ông **Phạm Hồ Bảo G** thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Phạm Quỳnh A**, sinh ngày 28/3/2007 và cháu **Phạm Nhựt Tân s** ngày 06/11/2005, khi ly hôn cháu **T** đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, giao cháu **A** cho ông **G** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời bà **H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà **H** được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí: Ông **G**, bà **H** phải nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002686 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Cẩm